TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07/5/2019
Về việc: Tranh chấp
hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYÊN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Nguyễn Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 07/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa số 01 ngày 18/4/2019 giữa các đương sự:

*> *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn B, xã XP, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

*> *Bị đơn*: Anh Lương Văn Kh- Sinh năm 1993

Nơi ĐKHKTT và chổ ở hiện nay: Thôn B, xã BS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa. Nguyên đơnchị Lê Thị Th trình bày: chị Th và anh khởi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuân, nguyên nhân do anh Kh thường xuyên uống rượu say, chửi mắng, đánh đập chị Th, gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo, nay chị Th xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kh.

Về con chung: Chị Th trình bày vợ chồng có một con chung cháu Lương Thị V sinh ngày 25/5/2012, từ khi vợ chồng ly thân, cháu V ở với anh Kh, nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị anh Kh tiếp tục nuôi con, chị xin cấp dưỡng nuôi con mức 1000.000đ/tháng, nếu anh Kh không nuôi, chị xin nuôi con, không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lương Văn Kh, tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Kh thừa nhận cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Th trình bày là đúng, vợ chồng đã sống ly thân lâu nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị Th xin ly hôn anh xét thấy vẫn còn tình cảm yêu thương chị Th nên không đồng ý ly hôn, nếu chị Th muốn anh đồng ý ly hôn phải bồi thường tiền đám cưới và cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh anh.

Về con chung: Anh Kh thống nhất vợ chồng có một con chung như chị Th trình bày là đúng, từ khi vợ chồng ly thân cháu V ở với anh, chị Th không quan tâm hỏi han gì, nay vợ chồng ly hôn, nguyên vọng của cháu V muốn được ở với bố, anh xin tiếp tục nuôi con và yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Anh Kh thống nhất như ý kiến chị Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

*> Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán,Thư ký, Hội đồng xét xử:

- Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ đúng trình tự tố tụng.

- Thư ký: Tống đạt các văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng quy định.

- HĐXX: Đúng thành phần, thời gian, địa điểm ghi trong quyết định, xét hỏi rõ ràng, đúng trọng tâm, dành nhiều thời gian cho đương sự trình bày

*> Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ.

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 81,82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao anh Kh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V.

Chị Th có trách nhiệm cập dưỡng nuôi con chung là mỗi tháng 1.500.000đ

Phần tranh luận: Nguyên đơn không có ý kiến tranh luận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lương văn Khởi vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Lương Văn Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/6/2012 tại UBND xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn,nên là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh Khởi hay uống rượu say chửi mắng chị Th gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị Th xét thấy vợ chồng không còn tình cảm và đề nghị được ly hôn anh khởi, anh Kh thừa nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng từ năm 2013 đến nay ly thân, chỉ Th bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Xuân Sơn, huyện Thọ Xuân sống, lúc đầu anh có đến thăm nhưng chị Th không chấp nhận, từ đó đến nay vợ chồng không qua lại hỏi thăm nhau, nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị Th, anh yêu cầu chị Th quay về để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái, nếu chị Th muốn ly hôn phải trả tiền đám cưới và cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh.

Xét thấy việc anh Kh yêu cầu đoàn tụ nhưng không có thiện chí, không có giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, tại phiên tòa chị Th vẫn thiết tha xin ly hôn, anh Kh cũng thừa nhận vợ chồng ly thân nhiều năm không còn tình cảm và cũng đồng đồng ly hôn khi chị Th trả tiền đám cưới và cấp dưỡng theo yêu cầu của anh, như vây nguyện vọng đoàn tụ của anh Kh không xuất phát từ tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Th xin ly hôn anh Kh là có căn cứ phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án về tình trạng thực tế hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh Kh.

[2] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung cháu Lương Thị V sinh ngày 25/5/2012, hiện nay cháu V đang ở với anh Kh, quá trình hòa giải các đương sự thống nhất anh Kh trực tiếp nuôi con, sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, phù hợp với nguyện vọng của cháu V, từ khi vợ chồng ly thân năm 2013 cháu V ở với anh Kh, hiện cháu đang học lớp 2, trường tiểu học xã Bình Sơn, sức khỏe, học tập, sinh hoạt bình thường, bố mẹ anh Kh đều có trẻ, khỏe, có điều kiện giúp đỡ anh Kh chăm sóc cháu V, để ổn định việc chăm sóc giáo dục, tâm sinh lý của cháu V, Hội đồng xét xử công nhận việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con của các đương sự, giao anh Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của vợ chồng cháu Lương Thị V sinh ngày 25/5/2012.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Kh yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/ tháng, chị Th chỉ chấp nhận mức 1.000.000đ/tháng

Xét thấy anh Kh là người trực tiếp nuôi con và có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ. anh Kh đã nhận trách nhiệm nuôi con và có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, quá trình hòa giải, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Khởi 2.000.000đ, tháng là cao so với thực tế và khả năng của chị Th, chị Th hiện sức khỏe yếu, chưa có việc làm, thu nhập ổn định,kinh tế khó khăn do đó chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của anh Kh buộc chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Khởi mỗi tháng 1.500.000.000đ, kể từ tháng 05/2019 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, chị Th được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, nợ: Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271,273,280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Lương văn Kh

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao anh Lương Văn Kh tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng cháu Lương Thị V sinh ngày 25/5/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Kh mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 05/2019 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, chị Th được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và nợ: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng án phí phải nộp là 600.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 3366 ngày 13/02/2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, chị Th còn phải nộp tiếp là 300.000đồng

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đượct hực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn
- CCTHADS huyện Triệu Sơn-
- UBND xã Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Đình Hợp